

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Thái

2. Ông Phan Vũ Anh Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 38/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã L và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Châu Thị Kim T**, sinh năm: 1981 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh **Trần Thành Q**, sinh năm: 1984 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Châu Thị Kim T trình bày: Chị và anh Trần Thành Q tìm hiểu, tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2014, quyển số 01/2014. Quá trình chung sống giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề. Ngoài ra, anh Q còn nghi ngờ chị có người khác rồi thường xuyên kiểm soát đánh đập chị, đập phá đồ đạc, dùng lời lẽ thiếu văn hoá xúc phạm chị và cha mẹ chị, việc này chị có báo chính quyền địa phương để hoà giải và bản thân vợ chồng chị cũng đã hoà giải nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng

không còn tôn trọng nhau, hiện tình cảm của chị đối với anh Q không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai từ đầu năm 2022 cho đến nay, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thành Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Thành Q*: Anh Quang đã được Tòa án nhân dân thị xã L tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh Quang không có mặt để giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Châu Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Thành Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Châu Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Chị Châu Thị Kim T nộp đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với anh Trần Thành Q. Bị đơn là anh Quang có nơi cư trú tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Tình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Chị Châu Thị Kim T có đơn xin giải quyết vắng mặt; Anh Trần Thành Q đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Quan hệ hôn nhân:

Chị Châu Thị Kim T và anh Trần Thành Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/12/2014 nên hôn nhân giữa chị Tình và anh Quang là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị T cho rằng chị không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn với anh Q. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2022, chị T cho rằng chị và anh Q đã không còn chung sống từ đầu năm 2022 cho đến nay. Hơn nữa, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q, thể hiện: “... Vợ chồng anh Q và chị T có phát sinh mâu thuẫn, gia đình không hoà thuận, hai vợ chồng vẫn sống một nhà nhưng mạnh ai nấy sống ...Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị T, việc hàn gắn là rất khó”. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Con chung: Giữa chị T và anh Q không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Châu Thị Kim T được ly hôn anh Trần Thành Q.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: chị Châu Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0005052, ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã L. Chị Châu Thị Kim T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Châu Thị Kim T, anh Trần Thành Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH: UBND xã T, thị xã L;
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình